TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/DS-PT.
Ngày: 02-8-2018.
V/v "Yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các thẩm phán: 1. Ông Trương Công Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2018/TLPT-DS ngày 13/6/2018 về việc "Yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khoẻ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐ-PT ngày 10/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2018/QĐ-PT ngày 20/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 - có mặt.

Trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1978 - có mặt;

Trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Đinh Thị B, sinh năm 1969; trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

3.2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1988; trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

3.3. Bà Phùng Thị TH, sinh năm 1962; trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1955; trú tại: Thôn X, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Văn T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà và ông Trần Văn T là hàng xóm, do hiểu nhầm ông T hái trộm ngô nhà ông L, do đó vào ngày 12/8/2016 ông T gọi điện thoại cho bà N lên nhà nói chuyện, sau khi nói chuyện bà N ra về thì ông T đã dùng tay chân đánh bà gây thương tích, sau khi bị đánh bà N yêu cầu Cơ quan Công an huyện E giải quyết.

Tại cơ quan Công an huyện E ông T đã thừa nhận hành vi đánh bà N gây thương tích, tại bản kết kết luận giám định pháp y thương tích số: 740/PY-TgT ngày 06/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận bà N bị đa thương phần mềm tổng tỷ lệ thương tích 07%. Ngày 26/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E đã ra bản kết thúc điều tra xác minh số 25/KĐTTXM xác định:

Ông Trần Văn T đã dùng tay chân đánh bà Nguyễn Thị N gây thương tích 07%, nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điều104 Bộ luật hình sự năm 1999 nên không khởi tố hình sự, bà N và ông T cũng không thỏa thuận được việc giải quyết bồi thường.

Sau khi bị ông T gây thương tích bà N đã đi điều trị và chi phí hết các khoản sau:

+ Tiền điều trị tại bệnh viện huyện E: 162.000 đồng (có hóa đơn).

+ Tiền chụp CT não: 980.000 đồng (có hóa đơn).

+ Tiền xe taxi từ Ea Kar lên bệnh viện O: 200.000 đồng (có hóa đơn).

+ Tiền mua thuốc tại tiệm thuốc NG thị trấn E: 2.950.000 đồng (có hóa đơn).

+ Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 140.000 đồng (không có hóa đơn).

+ Tiền công lao động không làm được trong thời gian nằm viện là 07 ngày x 150.000 đồng = 1.050.000 đồng (không có hóa đơn).

+ Tiền công chăm sóc của người chăm trong thời gian tôi nằm viện là 07 ngày x 150.000 đồng = 1.050.000 đồng (không có hóa đơn).

+ Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 2.300.000 đồng.

Do đó, nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Trần Văn T phải bồi thường cho bà N các chi phí điều trị và các chi phí hợp lý khác như đã kê khai ở trên với tổng số tiền là 7.867.000 đồng, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N là hàng xóm với nhau, nguyên nhân ông T đánh bà N, là do hiểu nhầm việc bà N nói ông T ăn trộm Ngô tại rẫy của ông Nguyễn Văn L. Vào sáng ngày 12/8/2016 bà N có lên nhà anh trai ông T là ông Trần Văn G để nói chuyện, sau khi nói chuyện xong thì ông T và chị N cùng đi về. Sau đó tại quán tạp hóa của nhà bà Phùng Thị TH tại thôn X, huyện E; ông T nghe bà N nói lại chuyện ông T trộm Ngô nên ông T bức xúc đã dùng tay chân đánh bà N ngã quỵ xuống đường, sau đó được anh Q can ngăn nên ai về nhà đó.

Sau khi thực hiện hành vi đánh bà N, thì bà N đã làm đơn yêu cầu Công an huyện E giải quyết, tại Công an huyện E ông T đã thừa nhận mình là người đánh bà N. Nay bà N yêu cầu ông T bồi thường tổng số tiền 7.867.000 đồng gồm các khoản chi phí như bà N đã kê khai phần trên thì ông T chỉ đồng ý bồi thường cho bà N khoản tiền điều trị tại bệnh viện huyện E số tiền 162.000 đồng theo bệnh án của Bệnh viện, còn các khoản chi phí còn lại thì ông không chấp nhận, mặc dù ông T xác định mình là người gây thương tích cho bà N, tuy nhiên thương tích ông T gây cho bà N là nhẹ, không phải điều trị hết nhiều tiền như bà N kê khai.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà Phùng Thị TH trình bày như sau: Bà Phùng Thi TH, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị N là hàng xóm, từ trước tới nay không xảy ra mâu thuẫn gì, vào sáng ngày 12/8/2016 bà có chứng kiến việc ông T dùng tay tát bà N hai cái và dùng chân đá bà N làm bà N ngã ra đất, sau đó bà TH có gọi chồng là ông Q ra can ngăn thì ông T không đánh bà N nữa.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà Trần Thị C trình bày như sau: Vào khoảng tháng 8/2016 bà C có nghe chị N nói thấy ông T đi từ trong rẫy Ngô nhà ông L ra và có cầm theo một ít Ngô nên bà C về kể cho chồng là ông G nghe. Đến sáng ngày 12/8/2016 bà N có đến gặp ông G, lúc này ông T cũng có mặt nên các bên nói chuyện sau đó thì bà N, ông T ra về, sự việc ông T đánh bà N thì bà không chứng kiến nên không biết.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng người làm chứng bà Đinh Thị B trình bày như sau: Vào sáng ngày 12/8/2016 tại quán tạp hóa bà TH thuộc thôn X, xã C, huyện E bà B chứng kiến việc ông T dùng tay, chân đánh bà N, bà B can ngăn không cho ông T đánh bà N nữa, còn thương tích của bà N như thế nào bà B không biết.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Nguyễn Văn L trình bày như sau: Gia đình ông L có trồng Ngô trong vườn, cũng bị mất một ít không đáng kể nên không báo chính quyền địa phương, việc bà N, ông T mâu thuẫn với nhau và đánh nhau như thế nào thì ông L không biết, không chứng kiến.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng người làm chứng ông Nguyễn Văn Q trình bày như sau: Nhà ông Q có mở cửa hàng bán tạp hóa tại thôn X, xã C, huyện E vào sáng ngày 12/8/2016 ông Q đang ở trong nhà thì nghe tiếng gọi của vợ ông Q là bà Phùng Thị TH gọi "Anh Q ơi mấy đưa đang đánh nhau anh ra can" thì ông Q chạy ra thấy phía trước quán ông T đang cầm lấy tay bà N còn bà N thì đang quỳ gối trên sân, ông Q chạy ra đẩy ông T ra thì ông T dùng chân đạp một cái vào đầu bà N sau đó thì được can ngăn ra và không đánh nhau nữa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 584, 585 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bị đơn ông Trần Văn T phải bồi thường cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền 7.867.000 đồng (bảy triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi suất chậm trả giai đoạn Thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu Thi hành án.

Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn T phải chịu 393.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, về trình tự thủ tục thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/5/2018 bị đơn ông Trần Văn T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Ngày 12/8/2016 ông Trần Văn T đã có hành vi gây thương tích cho bà Nguyễn Thị N, làm tổn hại 07% sức khỏe. Vì vậy ông T phải có trách nhiệm bồi thường chi phí điều trị, tổn thất tinh thần và các chi khoản phí hợp lý khác với tổng số tiền 7.867.000 đồng như bà N đã kê khai là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ

luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn T được nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ và đã được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 08/8/2016, ông Trần Văn T nghe người khác nói lại là bà Nguyễn Thị N thấy ông T ăn trộm ngô của nhà ông Nguyễn Văn L nên ông T hẹn bà N đến để nói chuyện, khi gặp nhau, hai bên lời qua tiếng lại và ông T đã dùng tay, chân đánh gây thương tích cho bà N. Bà N phải đến bệnh viện đa khoa huyện E để điều trị. Sau đó, bà N đã làm đơn yêu cầu cơ quan điều tra – Công an huyện E khởi tố hình sự đối với hành vi gây thương tích của ông T. Tuy nhiên, qua quá trình điều tra, xác minh thì Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện E đã kết luận bà N bị ông T dùng tay, chân đánh gây thương tích 07%, không đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 và ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Do vậy, bà N đã khởi kiện vụ án dân sự, yêu cầu Tòa án huyện Ea Kar giải quyết buộc ông T phải bồi thường toàn bộ các chi phí điều trị thương tích, tổn thất tinh thần và các chi phí khác với tổng số tiền là 7.867.000 đồng (bảy triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Xét yêu cầu bồi thường mà bà N đã kê khai các khoản chi phí điều trị, tổn thất tinh thần và các chi phí hợp lý khác gồm: Tiền điều trị mà bà N phải trả cho bệnh viện Đa khoa huyện E là 162.775 đồng, trong quá trình điều trị bà N đến bệnh viện đa khoa O chụp cắt lớp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang và siêu âm ổ bụng với chi phí hết 980.000 đồng (Các khoản tiền chi phí điều trị này đều có hoá đơn, chứng từ). Ngoài ra, bà N yêu cầu bồi thường các khoản tiền bồi dưỡng sức khỏe 140.000 đồng, tiền công lao động không làm được trong thời gian nằm viện là 07 ngày x 150.000 đồng = 1.050.000 đồng, tiền công chăm sóc của người chăm trong thời gian nằm viện là 07 ngày x 150.000 đồng = 1.050.000 đồng, tiền vé xe buýt đi lại hết 200.000 đồng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 2.300.000 đồng. Hộ đồng xét xử xét thấy, đây là những chi phí mà nguyên đơn yêu cầu hợp lý, có căn cứ pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận và buộc ông T phải có trách nhiệm bồi thường cho bà N là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên việc ông T gây thương tích cho bà N xảy ra ngày 08/8/2016, trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực

thi hành. Do vậy cấp áp dụng pháp luật theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết thì mới phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Riêng đối với khoản tiền 2.950.000 đồng mà bà N kê khai là bà mua thuốc tại tiệm thuốc NG thị trấn E vào ngày 05/6/2017 thì không có tài liệu nào chứng minh các loại thuốc theo hóa đơn bán hàng mà bà N cung cấp, không có đơn thuốc theo chỉ định của bác sỹ. Mà đây là hóa đơn mà bà N mua thuốc bổ với số lượng nhiều và thời gian kể từ ngày bị thương tích đến thời điểm mua thuốc là rất lâu. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ khoản tiền trong hóa đơn này, mà cần chấp nhận một phần tiền là 950.000 đồng mà bà N đã mua thuốc bổ nhằm phục hồi sức khỏe sau khi điều trị vết thương thì mới phù hợp.

Từ phân tích nhận định trên, xét quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là chưa hợp lý, mà cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn để sửa một phần bản án sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 604, Điều 605 và Điều 609 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 26/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị N với số tiền 5.867.000đ (năm triệu, tám trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông T được nhận lại số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004327 ngày 31/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh